

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/10/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

Vốn điều lệ : 352.107.080.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011: 352.107.080.000 đồng

Các công ty con: gồm 21 công ty

1. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
3. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai
4. Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Bảo Lộc
8. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai
10. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên
12. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai
13. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long
14. Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai
15. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông
16. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai
17. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai
18. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng
19. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng
20. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.
21. Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty liên kết: gồm 2 công ty

1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai
2. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (84) 059.3820.359
- Fax: (84) 059.3820.784
- Email: duclonggialaigroup@gmail.com
- Website: www.duclonggialaigroup.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốm);
- Sản xuất săm, lốp cao su, lắp và tái chế lốp cao su;
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 1.218 người. Trong đó nhân viên quản lý là 167 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|----------------------------|
| • Ông Bùi Pháp | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Đỗ Thanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Võ Châu Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Nguyễn Tấn Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/07/2008 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/05/2011 |
| • Bà Vũ Thị Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2011 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|----------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/05/2011 |
| • Ông Nguyễn Xuân Hoan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/07/2009 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/05/2011 |
| • Ông Bùi Văn Đi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/07/2009 |
| • Ông Nguyễn Thanh Hồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2011 |
| • Ông Trần Công Nhập | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/05/2011 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2010
• Ông Đỗ Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2007
• Ông Phan Xuân Viên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2007
• Ông Võ Châu Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/02/2008
• Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/03/2009
• Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2010
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11/04/2011
• Bà Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/02/2008
		Miễn nhiệm ngày 11/04/2011

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 557/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27/03/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 39. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Nguyễn Trung Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1380/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.176.699.848.072	963.929.555.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.670.784.056	17.120.367.903
1. Tiền	111		4.470.784.056	17.120.367.903
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.376.707.554	51.129.707.554
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	45.376.707.554	51.129.707.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	
III. Các khoản phải thu	130		709.771.270.903	540.720.474.674
1. Phải thu của khách hàng	131		448.191.368.680	241.197.835.377
2. Trả trước cho người bán	132		104.405.455.902	152.261.690.828
3. Các khoản phải thu khác	135	7	157.194.890.591	147.260.948.469
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.444.270)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	385.729.436.329	333.230.064.606
1. Hàng tồn kho	141		385.819.535.850	333.230.064.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(90.099.521)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.151.649.230	21.728.941.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.071.244.316	924.560.915
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.056.844.584	6.064.397.469
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	1.267.429.514	515.766.880
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	19.756.130.816	14.224.215.879
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		749.212.101.987	474.993.536.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		573.808.321.534	387.122.866.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	187.191.132.023	97.382.256.704
- Nguyên giá	222		240.822.584.195	132.971.557.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.631.452.172)	(35.589.301.254)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.193.414.170	7.265.646.574
- Nguyên giá	225		2.038.366.636	12.186.724.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(844.952.466)	(4.921.078.071)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	95.512.876.836	95.533.115.757
- Nguyên giá	228		95.795.093.510	95.712.728.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(282.216.674)	(179.612.753)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	289.910.898.505	186.941.847.601
III. Bất động sản đầu tư	240	16	66.720.417.973	66.720.417.973
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	17	97.324.778.372	15.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.045.308.861	
2. Đầu tư dài hạn khác	258		89.279.469.511	15.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.358.584.108	5.550.251.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.333.160.833	3.827.019.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.689.623.275	882.031.601
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	335.800.000	841.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.925.911.950.059	1.438.923.091.909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.399.332.558.885	941.847.896.450
I.	Nợ ngắn hạn	310		973.651.375.047	825.585.475.497
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	20	409.120.412.874	337.947.162.219
2.	Phải trả cho người bán	312		222.062.308.707	227.266.909.313
3.	Người mua trả tiền trước	313		31.127.713.630	12.826.438.797
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	21.744.877.664	25.215.217.113
5.	Phải trả người lao động	315		4.489.222.185	3.884.742.222
6.	Chi phí phải trả	316	22	26.729.304.327	4.892.098.219
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	257.511.809.020	213.167.606.080
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		865.726.640	385.301.534
II.	Nợ dài hạn	330		425.681.183.838	116.262.420.953
1.	Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2.	Vay và nợ dài hạn	334	24	416.920.351.300	108.067.242.274
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
4.	Doanh thu chưa thực hiện	338	25	8.433.832.538	7.868.178.679
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		419.226.745.663	397.862.742.199
I	Vốn chủ sở hữu	410		419.226.745.663	397.862.742.199
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	352.107.080.000	291.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.442.712.000	13.335.942.000
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	-	797.041.140
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	26	13.074.838.735	6.303.832.983
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	26	4.192.390.700	1.667.966.786
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	46.409.724.228	84.757.959.290
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
C	LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		107.352.645.511	99.212.453.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		1.925.911.950.059	1.438.923.091.909

CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU		31/12/2011	31/12/2010
	Ngoại tệ các loại	USD	2.765,02	84.497,19

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Đình Trạc

Nguyễn Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	27	948.323.394.164	1.055.178.724.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	5.507.490.460	71.146.501
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	942.815.903.704	1.055.107.577.659
4. Giá vốn hàng bán	11	28	830.159.691.783	923.888.752.546
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		112.656.211.921	131.218.825.113
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	31.778.517.035	5.156.893.113
7. Chi phí tài chính	22	30	73.110.235.112	24.179.114.109
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.900.731.659	23.828.616.877
8. Chi phí bán hàng	24		3.254.922.817	5.198.495.399
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.256.620.571	24.752.005.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.812.950.456	82.246.103.088
			-	-
11. Thu nhập khác	31	31	7.110.803.439	1.803.123.569
12. Chi phí khác	32	32	6.912.924.823	1.889.502.460
13. Lợi nhuận khác	40		197.878.616	(86.378.891)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(855.457.139)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33	35.155.371.933	82.159.724.198
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	8.050.051.796	12.528.105.656
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(1.807.591.674)	(488.267.415)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33	28.912.911.811	70.119.885.957
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	33	1.559.463.934	4.407.076.178
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	33	27.353.447.877	65.712.809.779
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	776,85	2.258,17



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Chunz

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	892.018.699.273	1.079.370.207.288
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.015.158.604.041)	(1.040.253.710.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(44.810.241.688)	(33.246.479.283)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(41.119.147.324)	(22.289.432.908)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(5.158.929.414)	(3.850.530.378)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	278.979.640.617	193.307.014.284
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(202.216.511.795)	(230.002.887.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(137.465.094.372)	(56.965.818.822)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(227.384.780.634)	(120.433.438.076)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	3.063.036.192	271.278.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.269.752.603)	(70.283.750.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.614.359.859	23.142.609.330
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.420.316.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.647.874.360	8.719.910.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(249.749.578.826)	(158.583.389.406)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.301.240.000	76.754.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	971.041.778.671	605.785.358.474
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(590.364.524.464)	(460.892.188.813)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(5.635.000.000)	(2.680.700.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.575.467.499)	(3.015.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	378.768.026.708	218.963.453.686
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.446.646.490)	3.414.245.458
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	17.120.367.903	13.438.427.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.937.357)	267.694.796
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	8.670.784.056	17.120.367.903



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/10/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Nhà máy kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốm);
- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Các Công ty con được hợp nhất

✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 20.699.940.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
 - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
 - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
 - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

✓ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 56,56%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.

- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Công trình đường bộ, thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, giao thông, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất (không bao gồm hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng). Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện (không bao gồm môi giới bất động sản, sản giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản). Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công các công trình thủy điện lớn và các công trình vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp. Đầu tư cung cấp nước sạch, chế biến vật liệu xây dựng. Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch sinh thái. Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông. Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Các Công ty liên kết

✓ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dầm và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
 - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.140.355.464	11.772.542.543
Tiền gửi ngân hàng	1.330.428.592	5.347.825.360
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	
Cộng	8.670.784.056	17.120.367.903

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (gửi tiết kiệm ngân hàng)	1.000.000.000	2.600.000.000
Cho vay ngắn hạn	44.376.707.554	48.529.707.554
Cộng	45.376.707.554	51.129.707.554

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu	58.333.334	-
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	-	211.857.144
Các khoản phải thu khác	157.136.557.257	147.049.091.325
Cộng	157.194.890.591	147.260.948.469

8. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	109.864.686.549	98.318.935.776
Công cụ, dụng cụ	6.379.580.137	453.845.756
Chi phí SXKD dở dang	153.979.985.359	121.300.143.998
Thành phẩm	31.265.371.675	22.076.438.884
Hàng hóa	84.329.912.130	91.080.700.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(90.099.521)	
Cộng	385.729.436.329	333.230.064.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.349.943.948	360.526.436
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	721.300.368	564.034.479
Cộng	2.071.244.316	924.560.915

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	1.267.429.514	515.766.880
- Thuế GTGT	1.064.230.458	290.360.471
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	220.124.541
- Thuế thu nhập DN	47.440.376	5.003.334
- Tiền thuế đất	155.758.680	-
- Thuế TNCN	-	278.534
Cộng	1.267.429.514	515.766.880

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	19.692.630.816	13.216.015.879
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.500.000	1.008.200.000
Cộng	19.756.130.816	14.224.215.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá						
Số đầu năm	82.352.816.923	25.868.845.134	23.791.775.702	958.120.199	-	132.971.557.958
Tăng trong năm	68.785.459.480	26.316.857.940	4.561.637.262	736.791.902	60.500.000	100.461.246.584
Mua lại TS thuê TC	-	7.631.142.857	2.543.215.152	-	-	10.174.358.009
Giảm trong năm	-	-	2.784.578.356	-	-	2.784.578.356
Số cuối năm	151.138.276.403	59.816.845.931	28.112.049.760	1.694.912.101	60.500.000	240.822.584.195
Khấu hao						-
Số đầu năm	18.601.488.704	9.599.835.657	6.997.013.106	390.963.787	-	35.589.301.254
Tăng trong năm	5.009.858.322	4.740.326.555	2.787.906.446	268.542.378	29.124.998	12.835.758.699
Mua lại TS thuê TC	-	4.078.354.353	1.337.063.772	-	-	5.415.418.125
Giảm trong năm	-	-	209.025.906	-	-	209.025.906
Số cuối năm	23.611.347.026	18.418.516.565	10.912.957.418	659.506.165	29.124.998	53.631.452.172
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	63.751.328.219	16.269.009.477	16.794.762.596	567.156.412	-	97.382.256.704
Số cuối năm	127.526.929.377	41.398.329.366	17.199.092.342	1.035.405.936	31.375.002	187.191.132.023

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2011 là 103.418.169.900 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 1.460.792.333 đồng.

Trong kỳ, Công ty mua lại TSCĐ thuê tài chính theo các hợp đồng cho thuê tài chính sau:

- ✓ Hợp đồng cho thuê tài chính số 074/09/ALCII-HĐCT ngày 31/08/2009 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng kèm theo với giá mua lại khi kết thúc hợp đồng cho thuê là: 6.000.000 đồng.
- ✓ Hợp đồng cho thuê tài chính số 075/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/8/2009 với Công ty cho thuê tài chính II (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa) và các Phụ lục của Hợp đồng này với giá mua lại khi kết thúc hợp đồng thuê là 20.000.000 đồng (đơn giá: 1.000.000 đồng/tài sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.611.142.857	4.575.581.788	12.186.724.645
Tăng trong năm	-	-	-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	7.611.142.857	2.537.215.152	10.148.358.009
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	2.038.366.636	2.038.366.636
Khấu hao			
Số đầu năm	3.196.221.020	1.724.857.051	4.921.078.071
Tăng trong năm	882.133.333	457.159.187	1.339.292.520
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	4.078.354.353	1.337.063.772	5.415.418.125
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	844.952.466	844.952.466
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.414.921.837	2.850.724.737	7.265.646.574
Số cuối năm	-	1.193.414.170	1.193.414.170

Tài sản cố định thuê tài chính được thuê theo các hợp đồng thuê sau:

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 090/07/ALCII ngày 30/08/2007 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này. Công ty đã thuê tài chính 3 chiếc Ford Everest 7 chỗ ngồi trong thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 120/07/ALCII ngày 07/01/2008 với Chi nhánh Công ty cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này. Công ty đã thuê tài chính 1 chiếc xe Ford thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	95.255.882.814	456.845.696	95.712.728.510
Tăng trong năm	-	82.365.000	82.365.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	95.255.882.814	539.210.696	95.795.093.510
Khấu hao			
Số đầu năm	-	179.612.753	179.612.753
Tăng trong năm	-	102.603.921	102.603.921
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	282.216.674	282.216.674
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.255.882.814	277.232.943	95.533.115.757
Số cuối năm	95.255.882.814	256.994.022	95.512.876.836

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2011 là: 77.203.502.814 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình Thủy điện Tà Nung	-	30.150.491.006
Dự án trồng cao su tại IaTiem	10.607.197.612	8.996.321.154
Chi phí thiết kế, khảo sát khách sạn Đức Long mở rộng	208.780.538	108.780.538
Công trình Cầu đường cao su tại IaBlứ	3.726.245.994	1.748.886.146
Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	63.150.103.987	46.629.512.419
Chi phí khảo sát mỏ quặng sắt	541.556.242	362.016.027
Dự án bến xe phía Nam (Bến xe Đà Nẵng)	75.177.126.857	34.051.348.779
Dự án thủy điện Đồng Nai 6	7.547.469.569	8.319.817.560
Chi phí khảo sát thủy điện Mỹ Lý	18.421.727	40.211.996
Dự án Công ty điện ĐLGL	-	999.508.695
Dự án bến xe Bảo Lộc	-	39.094.170.925
DA BOT quốc lộ 14 A đoạn KM từ 817 đến 887	51.689.233.788	3.890.448.924
Hội sở chính Tập đoàn Đức long Gia Lai	19.294.763.827	1.884.047.512
Công trình khách sạn Mỹ Khê	451.262.866	
Mỏ chì kẽm Chư Mố -Azunpa	1.838.914.172	799.102.035
Trồng rừng cao su 980 ha chubứ (980 ha)	45.573.517.299	3.217.941.417
Công trình mỏ đá Chư Bứ	407.659.090	285.557.314
Công trình mỏ đá Bazan Kbang	72.331.682	4.381.217
Mỏ đá bazzan trụ kông Yang - Konchro - Tỉnh Gia Lai	92.847.817	977.637
Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGrai	603.263.620	8.271.000
Công trình Thủy điện ĐăkPSi	1.568.727	
Công trình Thủy điện ĐăkSepay	1.943.654.314	
Công trình thủy điện Khe Giông	13.749.000	
Chi phí thăm dò mỏ đá DakWer	227.272.727	
Mỏ đá Bazan , chư Don, Chư Pưh, Gia Lai	50.000.000	
Các Công trình xây dựng khác	1.795.945.224	1.844.936.604
Mua sắm tài sản cố định	-	386.094.644
Chi phí đầu tư mở rộng Bến xe Đức Long	4.878.011.826	4.119.024.052
Cộng	289.910.898.505	186.941.847.601

16. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	8.045.308.861	
<i>Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai</i>	<i>8.045.308.861</i>	
Đầu tư dài hạn khác	89.279.469.511	15.600.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn (i)	5.600.000.000	5.600.000.000
- Cho vay dài hạn Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	40.981.253.105	
- Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cho các cá nhân vay	32.698.216.406	
Cộng	97.324.778.372	15.600.000.000

- (i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 31/12/2011 là: 5.600.000.000 đồng (tương đương 56.000 cổ phần), chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này trong năm 2011. Công ty này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này được ghi nhận theo giá gốc.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.397.820.920	3.299.125.010
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	5.935.339.913	527.894.809
Cộng	8.333.160.833	3.827.019.819

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản t/ chấp,k/cược	151.400.000	750.200.000
Khoản ký quỹ môi trường	184.400.000	91.000.000
Cộng	335.800.000	841.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	370.001.027.068	323.729.326.219
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	49.121.000.000	47.831.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	310.290.224.826	232.977.638.937
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN Gia Lai	6.635.000.000	6.630.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	-	19.800.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	-	14.397.123.380
- CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Nông	-	476.630.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	850.000.000	
- Ngân hàng TMCP GPBank - CN Gia Lai	400.000.000	
- Vay cá nhân	2.704.802.242	1.616.933.902
Nợ dài hạn đến hạn trả	39.119.385.806	14.217.836.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	-	250.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	35.490.908.274	9.480.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	312.000.000	312.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Lai	290.736.000	290.736.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	1.000.800.000	1.000.800.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đắk Nông	315.000.000	
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	500.000.000	
- CN Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	1.209.941.532	2.884.300.000
Cộng	409.120.412.874	337.947.162.219

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.712.653.604	10.708.085.251
Thuế thu nhập cá nhân	192.608.113	60.359.595
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	14.770.895.301	11.837.335.877
Thuế tài nguyên	323.613.732	99.936.390
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	2.621.521.500	2.509.500.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	123.585.414	
Cộng	21.744.877.664	25.215.217.113

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí phải trả

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả	25.536.048.327	1.507.683.969
Trích trước chi phí hạng mục CT kè chắn đất san nền	-	3.159.090.909
Trích trước chi phí công trình Bến xe Đà Nẵng	578.000.000	
Chi phí khác	330.000.000	225.323.341
Chi phí trích trước của công trình xây lắp	285.256.000	
Cộng	26.729.304.327	4.892.098.219

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng (dư có)	7.753.997	15.329.195
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	659.482.311	41.678.184
Bảo hiểm thất nghiệp	51.725.557	34.337.424
Kinh phí công đoàn	39.041.714	16.724.126
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.400.000	215.800.000
Lãi vay phải trả	1.061.250.457	
Cổ tức phải trả	771.147.955	770.971.755
Các khoản phải trả, phải nộp khác	254.682.007.029	212.072.765.396
Cộng	257.511.809.020	213.167.606.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	203.324.951.300	104.723.142.274
- Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN Gia Lai (i.1)	65.708.000.000	16.785.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN_CN Gia Lai (i.2)	91.365.152.300	61.613.172.274
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (i.3)	12.554.400.000	312.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á_CN Quảng Ngãi (i.4)	27.074.803.000	22.535.803.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai (i.5)	528.166.000	644.767.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất (i.6)	1.831.600.000	2.832.400.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đắk Nông	512.830.000	
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	250.000.000	
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực - CN Hồ Chí Minh	3.500.000.000	
Nợ dài hạn	195.400.000	3.344.100.000
- CN Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	195.400.000	3.344.100.000
Trái phiếu phát hành (ii)	213.400.000.000	
Cộng	416.920.351.300	108.067.242.274

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi Nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 với thời gian cho vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức cho vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2005/HĐ ngày 11/03/2005 với thời gian vay 11/03/2005 đến 31/12/2012, số tiền nhận nợ là 12.710.908.274 đồng. Lãi suất vay theo lãi suất thả nổi của ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư và xây dựng bến xe liên tỉnh. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng (đã nhận nợ trong năm 2008 là 9.070.000.000 đồng), lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 25/09/2009 với thời hạn cho vay là 108 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 18 tháng, số tiền cho vay là 24.800.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Đầu tư Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 với thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền cho vay là 43.573.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã Ia B lư, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 26 tháng 10 năm 2009 để đầu tư Dự án mở rộng nhà máy khai thác và chế biến đá Granit. Theo đó, tổng hạn mức vay: 4.900.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên (27/10/2009), lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm và sẽ được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ngày 06/10/2009 để bổ sung vốn mua xe ô tô khách. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 0,875%/tháng chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân nhưng không thấp hơn lãi suất của lần giải ngân đầu tiên. Bên vay thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp là 3 xe ô tô khách. Trị giá thế chấp là 1.515.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn cho vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền cho vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

(i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 4120/2009/HĐTH ngày 28 tháng 9 năm 2009 để đầu tư Dự án Thủy điện Tà Nung tại Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tổng hạn mức vay: 28.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 7 trở đi. Công ty được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong thời hạn 2 năm (bắt đầu từ ngày 28/9/2009 đến ngày 28/9/2011). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(i.5) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam_CN Gia Lai

- Hợp đồng tín dụng ngày 25/03/2010 để mua xe ô tô. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 18%/năm áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 01/04/2010 và thời gian tiếp theo điều chỉnh 3 tháng/lần vào các ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 và bằng lãi suất tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau + biên độ 7,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất vay tối thiểu. Tài sản cầm cố, thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 294/HĐTD/TH-PN/TCB Pleiku ngày 08 tháng 12 năm 2010 để đầu tư mua xe Ô tô. Theo đó, tổng hạn mức vay: 643.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời gian vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên (08/12/2010), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 16,8%/năm và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

lãi suất cho vay trong hạn.

- (i.6) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi Nhánh Tân Sơn Nhất theo Hợp đồng vay số 2102 - LAV – 2010 - 00557 ngày 01/10/2010 với thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô con Lexus LX570. Lãi suất cho vay: lãi suất EIB công bố từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Phát hành trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2010/NQ-ĐHCD ngày 02/11/2010. Theo đó, trái phiếu được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông DLG. Tại thời điểm chuyển đổi trái chủ có quyền quyết định thực hiện hoặc không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của DLG. Kỳ hạn trái phiếu là 2 năm, lãi suất là 13% năm, trả lãi định kỳ hàng năm trùng với ngày phát hành, số lượng phát hành là 2.134.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá là 100.000 VND, giá phát hành bằng với mệnh giá. Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp giấy Chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi số 04/UBCK-GCN ngày 18/01/2011.

25. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Doanh thu bán căn hộ	7.946.891.699	6.482.339.634
Doanh thu cho thuê cây xăng	372.272.731	486.818.176
Doanh thu dịch vụ bảo vệ	-	46.741.417
Lãi trái phiếu Ngân hàng Công thương	114.668.108	852.279.452
Cộng	8.433.832.538	7.868.178.679

26. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	(123.938.157)	6.303.832.983	453.469.926	21.902.760.955
Tăng trong năm			1.201.252.047		1.214.496.860	
Lợi nhuận tăng trong năm						65.712.809.779
Giảm trong năm			280.272.750			2.857.611.444
Số dư tại 31/12/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290
	-	-		-	-	-
Số dư tại 01/01/2011	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290
Tăng trong năm	61.107.080.000	-	-	6.771.005.752	2.524.423.914	
Lợi nhuận tăng trong năm						27.353.447.877
Giảm trong năm	-	9.893.230.000	797.041.140	-	-	65.701.682.939
Số dư tại 31/12/2011	352.107.080.000	3.442.712.000	-	13.074.838.735	4.192.390.700	46.409.724.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

27. Doanh thu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu	948.323.394.164	1.055.178.724.160
- Doanh thu bán hàng hóa	69.216.174.562	6.639.347.321
- Doanh thu bán điện	2.530.963.000	
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	433.374.133.860	233.171.976.640
- Doanh thu bán phân bón	215.083.190.478	508.521.428.574
- Doanh thu Công trình xây dựng	169.275.561.405	238.460.580.688
- Doanh thu bán căn hộ		5.477.995.460
- Doanh thu cho thuê tài sản	942.053.424	3.101.293.682
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.436.753.856	16.786.299.581
- Doanh thu bán đá	18.860.776.801	25.088.307.731
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	22.603.786.778	17.931.494.483
Các khoản giảm trừ	5.507.490.460	71.146.501
- Giảm giá hàng bán		24.969.000
- Hàng bán bị trả lại	5.507.490.460	46.177.501
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	942.815.903.704	1.055.107.577.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa	57.109.945.643	6.477.256.413
Giá vốn bán điện	1.890.870.162	
Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	411.138.517.512	227.662.700.945
Giá vốn bán phân bón	215.039.428.574	496.056.744.416
Giá vốn Công trình xây dựng	114.257.304.963	150.568.136.576
Giá vốn bán căn hộ	(5.758.345.157)	5.103.014.701
Giá vốn cho thuê tài sản	791.186.058	2.896.419.333
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.677.279.619	12.929.641.432
Giá vốn bán đá	11.719.856.226	16.980.678.957
Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	12.293.648.183	5.214.159.773
Cộng	830.159.691.783	923.888.752.546

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.946.041.796	3.785.817.432
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.007.335.071	265.115.382
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	242.851.716	
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.217.779.452	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	364.509.000	520.010.000
Chuyển nhượng cổ phiếu		585.241.779
Doanh thu hoạt động tài chính khác		708.520
Cộng	31.778.517.035	5.156.893.113

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	51.094.231.659	23.868.365.947
Lãi trái phiếu	20.806.500.000	
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.209.503.453	310.748.162
Cộng	73.110.235.112	24.179.114.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu thanh lý TSCĐ	2.784.578.356	270.340.944
Hàng thừa trong kiểm kê	209.338.147	
Thu bán phế liệu		1.065.862.747
Trang phục bảo vệ	177.675.458	
Thu nhập cho thuê tài sản	1.510.743.144	
Thu từ nợ phải trả nay không trả		28.157.869
Thu nhập bán nhiên liệu	2.069.849.919	
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	18.000.000	
Tiền điện	55.263.599	9.745.454
Cho thuê mặt bằng	32.487.582	
Cung cấp thiết bị PCCC		155.870.909
Thu khác	252.867.234	267.213.222
Thu tiền thưởng		5.932.424
Cộng	7.110.803.439	1.803.123.569

32. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thanh lý TSCĐ		265.917.200
Thanh lý sản phẩm hỏng		125.374.747
Giá trị còn lại TSCĐ	2.575.552.450	
Giá vốn trang phục	189.395.547	
Chi phí cho thuê tài sản	1.356.775.160	
Chi phí bán nhiên liệu	2.069.849.919	
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	552.473.089	757.920.275
Chi phí không hợp lý, hợp lệ		109.280.000
Chi phí khác	168.878.658	631.010.238
Cộng	6.912.924.823	1.889.502.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.155.371.933	82.159.724.198
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	13.973.555.435	3.303.833.746
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	15.197.565.484	3.823.843.746
+ Các khoản chi ủng hộ các quỹ		2.600.000
+ Lỗ trong công ty liên kết	855.457.139	
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	506.762.100	823.874.452
+ Lỗ tại các công ty con	6.659.172.379	
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.365.209.840	1.669.254.023
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	5.810.964.026	1.328.115.271
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	1.224.010.049	520.010.000
+ Lỗ các năm trước chuyển sang	616.619.173	
+ Cổ tức nhận được	364.509.000	520.010.000
+ Lãi CLTG chưa thực hiện	242.881.876	
Tổng thu nhập chịu thuế	49.128.927.368	85.463.557.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	12.328.559.308	21.537.237.202
Thuế TNDN được miễn giảm	4.278.722.761	9.274.015.159
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	932.599.998	9.274.015.159
- Thuế TNDN được miễn giảm theo TT154/2011/TT-BTC	3.346.122.763	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.050.051.796	12.528.105.656
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	8.049.836.547	12.263.222.043
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước điều chỉnh trong năm nay	215.250	264.883.613
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.807.591.674)	(488.267.415)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.912.911.811	70.119.885.957
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.559.463.934	4.407.076.178
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	27.353.447.877	65.712.809.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.353.447.877	65.712.809.779
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	27.353.447.877	65.712.809.779
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.210.708	29.100.000
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	776,85	2.258,17

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.699.668.512	56.055.874.395
Chi phí nhân công	35.831.585.601	27.510.889.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.277.655.140	10.710.838.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.251.459.928	346.389.304.818
Chi phí khác bằng tiền	53.441.872.498	61.423.043.015
Cộng	623.502.241.679	502.089.950.741

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)